CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG HÀNG HẢI II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN TỐT NGHIỆP - KỲ THI THÁNG 01 NĂM 2024

(Kèm theo quyết định số: ..59.. /QĐ-CĐHHII - ĐT, ngày 17/01/2024...)

Hệ ĐT: Trung cấp - Cao Đẳng

STT	Mã số	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Kỷ luật	TBC TK	TLHT TL(%)	CT (CĐ+T	LTN	THN	ĐTB TN	TBC XH	XepLoai_TN
1	2410010001	Phạm Huy	An	02/09/2002	Đăk Lăk	CĐĐKTB14		6.90	2.9	7.0	7.0	6.8	6.90	6.90	Trung bình khá
2	2410010002	Trần Việt	Anh	05/03/2000	Bà Rịa-Vũng Tàu	CĐĐKTB14		7.00	2.9	7.0	5.5	7.1	6.50	6.80	Trung bình khá
3	2410010004	Bùi Sỹ	Bình	11/06/2003	Thanh Hóa	CĐĐKTB14		6.70	6.7	9.0	6.0	6.2	7.10	6.40	Trung bình khá
4	2410010005	Nguyễn Chinh	Chiến	12/04/2003	Quảng Bình	CĐĐKTB14		6.30	14.3	8.5	5.5	5.9	6.60	6.00	Trung bình khá
5	2410010008	Trần Quốc	Đạt	27/11/2002	Đăk Lăk	CĐĐKTB14		6.50	1.9	8.5	7.0	5.9	7.10	6.40	Trung bình khá
6	2410010009	Đặng Huỳnh Nhật	Hào	15/04/2003	Quảng Ngãi	CĐĐKTB14		6.70	6.7	8.5	5.5	7.3	7.10	6.70	Trung bình khá
7	2410010010	Trần Khánh	Hào	22/07/2003	Nghệ An	CĐĐKTB14		6.30	12.4	8.0	6.0	5.9	6.60	6.10	Trung bình khá
8	2410010011	Bùi Minh	Hảo	11/10/2003	Ninh Bình	CĐĐKTB14		7.10	6.7	8.5	7.0	6.6	7.40	6.90	Trung bình khá
9	2410010013	Hoàng Trọng	Hiếu	07/11/2003	Quảng Bình	CĐĐKTB14		6.50	0.0	8.0	6.0	7.2	7.10	6.70	Trung bình khá
10	2410010014	Trần Bá	Hùng	14/03/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	CĐĐKTB14		6.90	1.9	8.5	6.0	6.2	6.90	6.50	Trung bình khá
11	2410010016	Từ Quang	Huy	31/12/2002	Long An	CĐĐKTB14		6.10	10.5	8.0	5.0	5.8	6.30	5.80	Trung bình
12	2410010018	Hồ Quốc	Khánh	01/04/2003	Nghệ An	CĐĐKTB14		6.10	8.6	8.5	6.0	6.2	6.90	6.10	Trung bình khá
13	2410010020	Lương Thành	Long	19/05/1988	Hòa Bình	CĐĐKTB14		8.10	0.0	8.5	7.5	8.0	8.00	8.00	Giỏi
14	2410010021	Nguyễn Đại	Lượng	08/08/2003	Kiên Giang	CĐĐKTB14		6.80	10.5	8.0	7.0	6.3	7.10	6.70	Trung bình khá
15	2410010023	Đỗ Nguyễn Hưng	Phát	07/07/1996	TP. HCM	CĐĐKTB14		6.70	1.9	8.5	6.5	5.9	7.00	6.40	Trung bình khá
16	2410010024	Phan Quốc	Phi	02/08/2003	An Giang	CĐĐKTB14		6.70	4.8	8.5	5.0	6.3	6.60	6.30	Trung bình khá
17	2410010029	Nguyễn Văn	Phương	20/06/1996	Nghệ An	CĐĐKTB14		7.00	7.6	9.0	5.0	6.5	6.80	6.50	Trung bình khá
18	2410010030	Phạm Lâm Kim	Quang	02/01/2003	Quảng Ngãi	CĐĐKTB14		6.80	2.9	8.5	5.5	6.2	6.70	6.40	Trung bình khá
19	2210010046	Chu Văn	Sơn	14/05/1997	Bà Rịa Vũng Tàu	CĐĐKTB14A		6.00	7.6	8.0	5.0	7.2	6.70	6.20	Trung bình khá
20	2410010031	Nguyễn Xuân	Quý	18/07/2003	Đồng Tháp	CĐĐKTB14A		6.40	2.9	7.5	5.5	6.1	6.40	6.20	Trung bình khá
21	2410010034	Trần Minh	Tân	19/05/1996	Đồng Tháp	CĐĐKTB14A		7.40	0.0	8.5	7.0	7.5	7.70	7.40	Khá
22	2410010035	Mai Văn	Thật	22/04/2003	Bình Định	CĐĐKTB14A		6.30	14.3	8.5	6.0	6.3	6.90	6.30	Trung bình khá
23	2410010036	Phan Nguyễn Trung	Tín	23/03/2003	Bình Định	CĐĐKTB14A		6.60	2.9	8.5	5.5	6.7	6.90	6.50	Trung bình khá
24	2410010038	Nguyễn Hoàng	Tuấn	12/11/2003	TP. HCM	CĐĐKTB14A		6.70	2.9	9.0	5.0	6.9	7.00	6.50	Trung bình khá
25	2410010039	Đinh Ngọc	Vũ	13/08/1998	Đà Nẵng	CĐĐKTB14A		7.00	2.9	9.0	5.5	6.7	7.10	6.70	Trung bình khá

26	2410010040	Cao Ngọc	Xô	29/03/2002	Bình Định	CĐĐKTB14A		6.30	21.9	9.0	5.0	5.9	6.60	6.00	Trung bình khá
27	2410010041	Nguyễn Hoàng	Phi	20/01/2000	Bình Định	CĐĐKTB14A		7.30	0.0	8.5	6.5	7.5	7.50	7.20	Khá
28	2410010042	Nguyễn Triều	Đại	26/07/2003	BR-VT	CĐĐKTB14A		6.30	1.9	7.0	5.0	6.8	6.30	6.30	Trung bình khá
29	2410010045	Lương	Thịnh	09/04/1998	BR-VT	CĐĐKTB14A		7.10	2.9	8.5	6.0	7.4	7.30	7.00	Khá
30	2410010046	Lê Trung	Tín	08/05/2002	Kiên Giang	CĐĐKTB14A		6.50	5.7	8.5	6.0	6.1	6.90	6.30	Trung bình khá
31	2410010049	Bùi Huy	Hoàng	01/01/1998	Đăk Lăk	CĐĐKTB14A		6.30	2.9	7.0	5.5	5.7	6.10	6.00	Trung bình khá
32	2410010053	Nguyễn Hải	Dương	16/12/1998	TP. HCM	CĐĐKTB14A		6.80	4.8	6.5	5.5	6.4	6.10	6.50	Trung bình khá
33	2410010054	Nguyễn Tất	Ý	16/9/2000	Bình Định	CĐĐKTB14A		6.30	10.5	6.5	5.0	7.4	6.30	6.50	Trung bình khá
34	2410010056	Phan Hoàng	Khải	01/03/2000	Hậu Giang	CĐĐKTB14A		6.60	4.8	7.5	6.0	7.8	7.10	6.90	Trung bình khá
35	2410010058	Vũ Đức	Dương	12/08/1994	Ninh Bình	CĐĐKTB14A		6.70	0.0	9.0	5.0	7.3	7.10	6.60	Trung bình khá
36	2310010012	Bùi Quang	Huy	21/02/2002	TP.HCM	CĐĐKTB13		6.30	3.8	7.5	5.5	6.0	6.30	6.10	Trung bình khá
37	2410020002	Nguyễn Vũ Hồng	Báu	17/02/2003	Lâm Đồng	CĐKTMT14		6.70	5.8	9.0	8.0	6.0	7.70	6.70	Trung bình khá
38	2410020003	Trần Xuân	Dũng	18/10/2000	Quảng Nam	CĐKTMT14		6.50	3.5	9.0	8.0	6.0	7.70	6.60	Trung bình khá
39	2410020004	Ngô Quang	Duy	01/06/2003	Ninh Bình	CĐKTMT14		6.50	5.8	9.0	6.0	7.0	7.30	6.60	Trung bình khá
40	2410020005	Phạm Đức	Hùng	06/11/2002	Thái Bình	CĐKTMT14		6.60	5.8	8.5	6.0	6.0	6.80	6.30	Trung bình khá
41	2410020006	Ngô Thanh	Hùng	02/03/1985	Bình Định	CĐKTMT14		6.90	0.0	7.0	6.0	7.0	6.70	6.80	Trung bình khá
42	2410020008	Lâm Mạnh	Huỳnh	04/11/2003	Trà Vinh	CĐKTMT14		6.70	0.0	8.5	7.0	8.0	7.80	7.20	Khá
43	2410020009	Lưu Duy	Huỳnh	15/09/2003	Hậu Giang	CĐKTMT14		6.80	0.0	8.5	7.0	7.0	7.50	6.90	Trung bình khá
44	2410020010	Nguyễn Hồng	Khang	02/06/2003	Quảng Ninh	CĐKTMT14		6.40	7.7	7.0	6.0	7.0	6.70	6.50	Trung bình khá
45	2410020011	Huỳnh Gia	Khuê	15/08/2000	Khánh Hòa	CĐKTMT14		7.00	0.0	8.5	6.0	7.0	7.20	6.80	Trung bình khá
46	2410020012	Nguyễn Hữu	Lực	10/09/2001	Lâm Đồng	CĐKTMT14		7.10	0.0	9.0	6.0	6.0	7.00	6.60	Trung bình khá
47	2410020013	Nguyễn Phùng	Minh	05/07/2003	TP. HCM	CĐKTMT14		6.90	0.0	9.0	6.0	7.0	7.30	6.80	Trung bình khá
48	2410020014	Hà Sỹ	Nam	21/06/2003	Hà Tĩnh	CĐKTMT14		6.40	11.5	8.5	7.0	8.0	7.80	7.00	Khá
49	2410020015	Phan Bá	Nam	22/04/2003	Quảng Nam	CĐKTMT14		6.20	5.8	9.0	8.0	7.0	8.00	6.80	Trung bình khá
50	2410020016	Phạm Minh	Nhựt	29/11/2003	Trà Vinh	CĐKTMT14		7.30	0.0	8.5	8.0	7.0	7.80	7.30	Khá
51	2410020017	Phan Thanh	Sơn	01/12/2003	Trà Vinh	CĐKTMT14		6.40	0.0	8.5	7.0	7.0	7.50	6.70	Trung bình khá
52	2410020018	Huỳnh Thanh	Tịnh	05/06/2002	Khánh Hòa	CĐKTMT14		6.70	5.8	8.5	6.0	7.0	7.20	6.70	Trung bình khá
53	2410020019	Trần Hoàng Anh	Tú	19/04/2003	TP. HCM	CĐKTMT14		6.50	5.8	9.0	6.0	8.0	7.70	6.90	Trung bình khá
54	2410020020	Bùi Xuân	Mạnh	12/09/2001	Quảng Trị	CĐKTMT14		6.40	0.0	8.0	6.0	7.0	7.00	6.50	Trung bình khá
55	2410020021	Phạm Thanh	Hoài	29/09/1999	BR-VT	CĐKTMT14		6.20	22.1	8.5	8.0	8.0	8.20	7.10	Khá
56	2410020022	Nguyễn Hữu	Tiến	07/01/2000	Bà Rịa-Vũng Tàu	CĐKTMT14		6.50	0.0	9.0	8.0	8.0	8.30	7.30	Khá
57	2410020023	Lưu Anh	Phương	10/12/2000	BR-VT	CĐKTMT14		6.00	4.8	9.0	6.0	7.0	7.30	6.30	Trung bình khá
58	2410020024	Đinh Văn	Dự	26/01/2001	Quảng Nam	CĐKTMT14		6.30	0.0	9.0	6.0	7.0	7.30	6.50	Trung bình khá
59	2410020026	Nguyễn Vũ	Luân	23/06/2000	Trà Vinh	CĐKTMT14		6.70	0.0	8.0	6.0	8.0	7.30	7.00	Khá

60	2410110001	Trần Nguyễn Quốc	Đạt	21/10/2003	Khánh Hòa	CĐQTVTB14		7.00	0.0	8.5	8.5	9.0	8.70	7.90	Khá
61	2410110002	Nguyễn Hoàng Mỹ	Dung	31/08/2003	TP. HCM	CĐQTVTB14		7.80	6.6	7.5	8.0	9.0	8.20	8.20	Khá
62	2410110003	Trần Ngọc	Khánh	09/05/2003	TP. HCM	CĐQTVTB14		8.00	0.0	7.5	8.0	9.5	8.30	8.50	Giỏi
63	2410110004	Lê Ngọc	Sơn	01/08/1995	Nghệ An	CĐQTVTB14		7.90	0.0	8.5	8.0	9.5	8.70	8.50	Giỏi
64	2410110005	Nguyễn Tường	Vi	28/03/1981	An Giang	CĐQTVTB14		7.50	9.0	8.0	8.5	8.5	8.30	8.00	Khá
65	2410110007	Phạm Thị	Hiền	12/05/1984	Hưng Yên	CĐQTVTB14		7.40	0.0	8.5	8.0	8.5	8.30	7.90	Khá
66	2210250009	Đinh Hữu Minh	Quang	02/01/2000	Thừa Thiên Huế	CĐLGT1		6.60	7.1	7.0	8.5	9.5	8.30	7.90	Khá
67	241025004	Nguyễn Phạm Ngọc	Trâm	07/11/2003	Trà Vinh	CĐLGT3		7.20	6.4	8.5	8.0	9.0	8.50	7.90	Khá
68	241025005	Lê Vũ	Tuấn	24/11/2003	Gia Lai	CĐLGT3		7.30	0.8	7.0	7.5	9.0	7.80	7.90	Khá
69	241025007	Hồ Anh	Tuấn	04/05/2000	Bình Thuận	CĐLGT3		7.30	0.8	7.5	8.0	8.5	8.00	7.80	Khá
70	2310240004	Thạch Minh	Hiền	07/05/2002	Trà Vinh	CĐCNOT2		6.80	0.0	7.5	7.5	8.0	7.70	7.30	Khá
71	2330020001	Nguyễn Tiến	Dũng	18/05/2006	Hà Nội	TCKTMT8		6.00	1.9	5.0	6.0	7.0	6.00	6.30	Trung bình khá
72	2330020004	Trần Nhật	Nghĩa	29/04/2001	Quảng Nam	TCKTMT8		6.30	3.8	5.0	6.0	7.0	6.00	6.50	Trung bình khá
73	2330020005	Nguyễn Thế	Phong	10/07/2005	Thanh Hóa	TCKTMT8		6.00	0	5.0	6.0	6.0	5.70	6.00	Trung bình khá
74	2310110001	Lê Thị Ngọc	Hương	25/12/2004	Trà Vinh	CĐLTLGT2		7.70	2.9		8.0	8.5	8.3	8.00	Giỏi
75	2310110002	Huỳnh Kim	Khoa	06/04/2004	Trà Vinh	CĐLTLGT2		8.00	0.0		8.0	8.5	8.3	8.20	Giỏi
76	2310110003	Trần Thị Khánh	Ly	28/07/2004	Trà Vinh	CĐLTLGT2		7.70	0.0		8.0	8.0	8.0	7.90	Khá

Tổng s 76

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0%	Trung bình khá	51	67%
Giỏi	5	7%	Trung bình	1	1%
Khá	19	25%	Không đạt	0	0%

Ghi chú :

- TL ĐVHT KĐL1: Tỷ lệ đơn vị học trình thi lại
- TBXH=(TBCTK*3+TNTH*2+TNLT)/6

1. Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với HSSV có kết quả loại XS, Giỏi nếu:
+ Có môn học thi lại (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)
+ Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.
2. Thi lại tốt nghiệp: 1 môn chỉ xếp loại Khá
3 Thi lại tốt nghiệp: 1 môn 2 lần hoặc thi lại 2 môn chỉ xếp loại TB Khá.

TP. HCM, ngày 15 tháng 01 năm 2024

GIÁO VỤ NHẬP ĐIỂM	GIÁO VỤ KIỂM TRA	PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
Trần Thị Xuyến	Phạm Thị Thu Hà	Nguyễn Ngọc Minh	

TRƯỜNG CAO ĐẲNG HÀNG HẢI II